

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2025

Số: 312/QĐ-DTHTGH

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách năm 2025**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN DÂN TỘC HỌC VÀ TÔN GIÁO HỌC**

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-KHXH ngày 31/3/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Dân tộc học và Tôn giáo học;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-KHXH ngày 27/8/2025 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam;

Theo đề nghị của Phụ trách kế toán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 đã được phê duyệt của Viện Dân tộc học và Tôn giáo học (theo phụ lục đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3.** Các ông (bà) Phòng Hành chính - Tổng hợp có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:  
- Như điều 3;  
- Lưu: VT, KT Viện.

**VIỆN TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Văn Minh**

Đơn vị: Viện Dân tộc học và Tôn giáo học  
Chương: 045

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - năm 2025

(Kèm theo QĐ số 312/QĐ-DTHTGH ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Viện Dân tộc học và Tôn giáo học)

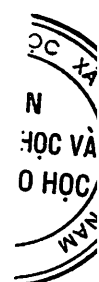
Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	
	- Thu bán tạp chí	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
	- Bán tạp chí	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	
	Phí ...	
	Phí ...	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>1.035.438,300</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>1.035.438,300</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>1.035.438,300</b>
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	<i>Chương trình KH và CN trọng điểm cấp Bộ</i>	
	<i>Nhiệm vụ cấp Bộ trọng điểm</i>	
	<i>Nhiệm vụ cấp Bộ năm 2025-2026</i>	
	<i>Nhiệm vụ cấp Cơ sở năm 2025</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.4	Quỹ tiền thưởng	
2.5	Kinh phí nghỉ chế độ theo NĐ 177, NĐ 178 và NĐ 67 (Nguồn 23)	1.035.438,300

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	



<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	